SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TAM PHÚ
TỔ CHUYÊN MÔN: SỬ- GDKTPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2024

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN HỌC: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT – KHỐI 11
Năm học 2024 – 2025

Chủ đề 1: CẠNH TRANH, CUNG, CẦU TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

BÀI 1. CẠNH TRANH TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm cạnh tranh

Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể tham gia thị trường nhằm giành điều kiện thuận lợi trong sản xuất, mua bán, tiêu dùng hàng hoá và dịch vụ để có thể thu về lợi ích kinh tế cao nhất.

2. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

Cạnh tranh trên thị trường diễn ra là do: các chủ thể kinh tế có sự khác biệt về hình thức sở hữu nguồn lực; các chủ thể này lại tồn tại độc lập với nhau; chủ thể nào cũng hành động trước hết vì lợi ích của mình.

Vì các nguồn lực có hạn các điều kiện sản xuất, mua bán và tiêu dùng khác nhau nên để thực hiện được lợi ích của mình, các chủ thể kinh tế phải cạnh tranh với nhau.

3. Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế

Cạnh tranh là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Để giành được lợi nhuận tối đa. các chủ thể sản xuất kinh doanh luôn tìm cách tận dụng tốt nhất các nguồn lực và lợi thế, tích cực ứng dụng tiến bộ kĩ thuật, công nghệ mới vào sản xuất.

Cạnh tranh tạo điều kiện để người tiêu dùng được tiếp cận hàng hoá dịch vụ chất lượng tốt, phong phú về mẫu mã, chủng loại, giá cả hợp lí. Do đó, nhu cầu của người tiêu dùng và xã hội được đáp ứng ngày càng tốt hơn.

Nhờ có cạnh tranh, các nguồn lực kinh tế được sử dụng linh hoạt và hiệu quả, cạnh tranh trở thành động lực cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

4. Cạnh tranh không lành mạnh

- Cạnh tranh không lành mạnh là hành vi trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực trong sản xuất, kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác. Ngăn ngừa, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh là nhiệm vụ của mọi cá nhân, của toàn xã hội, đặc biệt là của nhà nước.

BÀI 2. CUNG CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu

a. Khái niệm cầu

+ Cầu là số lượng hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng có khả năng mua và sẵn sàng mua ở các mức giá khác nhau trong một thời gian nhất định.

b. Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu.

+ Giá cả của hàng hoá, dịch vụ đó trên thị trường tại một thời điểm xác định. Ngoài ra, còn có những yếu tố khác ảnh hưởng đến cầu hàng hoá. dịch vụ như:

+ Thu nhập cùa người tiêu dùng: Thu nhập trung bình của người tiêu dùng tăng thì cầu về hàng hoá dịch vụ cũng tăng và ngược lại.

+ Giá cá hàng hoá khác, bao gồm những hàng hoá có khả năng thay thế. hoặc bổ sung cho việc tiêu dùng hàng hoá dó.

+ Dự đoán cùa người tiêu dùng về thị trường: Mặc dù giá một hãng hoá nào đó tăng nhưng người mua vẫn tiếp tục tăng mua hàng hoá đó vì họ dự đoán giá sẽ còn tăng nữa.

+ Tâm lí tập quán và thị hiếu của người tiêu dùng. Thị hiếu của người tiêu dùng trong những giai đoạn khác nhau có ảnh hưởng khác nhau tới cầu về một số loại hàng hoá.

+ Dân số: Khi dân số tăng dẫn đến cầu về hàng hoá tăng.

2. Khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung.

a. Cung trong nền kinh tế

Cung là số lượng hàng hoá. dịch vụ mà người bán có khả năng bán và sẵn sàng bán ở các mức giá khác khau trong một thời gian nhất định.

b. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung

Giá cả các yếu tố sản xuất: Nếu giá cả các yếu tố đầu vào của sản xuất như tiền công, giá nguyên vật liệu, tiền thuê đất,... giam giá thì giá thành hàng hoá giảm nên sản xuất có lãi dẫn đến tăng cung và ngược lại

Trình độ công nghệ sản xuất: Nếu công nghệ và kĩ thuật hiện đại thì năng suất lao động tăng và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá giảm. Như vậy sẽ có số lượng hàng hoá sản xuất và cung ứng nhiều hơn so với lao động thủ công.

Dự đoán của người bán về thị trường: Nếu dự báo giá tăng, người sản xuất hi vọng có lợi họ sẽ tăng cung và ngược lại.

Số lượng người bán trên trị trường: Nếu số lượng người cùng sản xuất một loại hàng hoá càng nhiều thì cung về loại hàng hoá đó càng lớn và ngược lại.

Chính sách của nhà nước: Nếu nhà nước có chính sách hỗ trợ (ví dụ giảm thuế mặt hàng nào đó), lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ tăng, làm mức cung hàng hoá đó tăng lên và ngược lại.

3. Mối quan hệ cung - cầu và vai trò của quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế.

Mối quan hệ: Trên thị trường, cung – cầu thường xuyên tác động lẫn nhau và ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả. Khi lượng hàng hoá mà người mua muốn mua đúng bằng lượng hàng hoá mà người bán muốn bán thì mức giá cân bằng được hình thành. Nếu

cung nhỏ hơn cầu thì giá cả tăng cao hơn giá cân bằng; ngược lại, nếu cung lớn hơn cầu thì giá cả hạ xuống thấp hơn giá cân bằng.

Vai trò: Cung - cầu có tác dụng điều tiết quan hệ giữa sản xuất và lưu thông hàng hoá; làm thay đổi cơ cấu và quy mô thị trường, ảnh hưởng tới giá cả của hàng hoá. Căn cứ vào quan hệ cung - cầu có thể dự đoán xu thế biến động của giá cả. Ở đâu có thị trường thì ở đó quan hệ cung - cầu tồn tại và hoạt động một cách khách quan.

Chủ đề 2: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM

BÀI 3. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

1. Khái niệm lao động.

Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của đời sống.

2. Khái niệm thị trường lao động.

Thị trường lao động là nơi diễn ra các quan hệ thoả thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động về tiền lương, điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động.

3. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.

- Lao động trong nông nghiệp giảm; lao động trong công nghiệp và dịch vụ tăng.
- Lao động được đào tạo ngày một tăng và chiếm ưu thế so với lao động chưa qua đào tạo trong tổng lao động xã hội.
- Tốc độ tăng lao động trong khu vực dịch vụ tăng nhanh hơn tốc độ tăng lao động trong các khu vực sản xuất vật chất.

BÀI 4. THỊ TRƯỜNG VIỆC LÀM

1. Khái niệm việc làm.

Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm.

2. Khái niệm thị trường việc làm.

Thị trường việc làm là nơi thực hiện các quan hệ thỏa thuận giữa người tạo việc làm (người sử dụng lao động) và người có khả năng đáp ứng yêu cầu của việc làm (người lao động) về việc làm, tiền lương và các điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động.

3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.

Thị trường việc làm và thị trường lao động có mối quan hệ tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Khi khả năng cung ứng lao động lớn hơn khả năng tạo việc làm sẽ dẫn đến tình trạng thất nghiệp gia tăng và ngược lại khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến tới tình trạng thiếu hụt lao động.

Chủ đề 3: THẤT NGHIỆP, LẠM PHÁT

BÀI 5. THẤT NGHIỆP

1. Khái niệm thất nghiệp

Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm.

2. Các loại hình thất nghiệp và nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp

a. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp

- Nguyên nhân chủ quan: bị đuổi việc do vi phạm kỉ luật, tự thôi việc do không hài lòng với công việc đang có, do thiếu kĩ năng làm việc,...
- Nguyên nhân khách quan: do cơ sở sản xuất kinh doanh đóng cửa, do sự mất cân đối giữa cung và cầu trên thị trường lao động.

b. Các loại hình thất nghiệp

- Căn cứ vào nguồn gốc thất nghiệp, thất nghiệp được chia thành các loại sau:

+ *Thất nghiệp tạm thời:* là tình trạng thất nghiệp xuất hiện khi người lao động thay đổi công việc hoặc chỗ ở,... chưa xin được việc làm mới nên tạm thời thất nghiệp.

+ *Thất nghiệp cơ cấu:* Là tình trạng thất nghiệp xuất hiện do có sự mất cân đối giữa cung và cầu lao động, sự dịch chuyển cơ cấu giữa các ngành trong nền kinh tế hoặc sự thay đổi phương thức sản xuất trong một ngành.

+ *Thất nghiệp chu kì:* Là tình trạng thất nghiệp xuất hiện do tính chu kì của nền kinh tế khi nền kinh tế bị suy thoái hoặc khủng hoảng dẫn đến mức cầu chung về lao động giảm.

Nơi nhận:

- Niêm yết;
- PHT (Mai).
- GVBM; GVCN; HS
- Lưu: VT

TM. TỔ CHUYÊN MÔN
TỔ PHÓ CHUYÊN MÔN
(Đã ký)

Đồng Ngọc Tâm